

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **178/2019/DS - PT**

Ngày: 02-10-2019

“V/v: Tranh chấp về chia thừa kế,  
yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân  
chia tài sản thừa kế và yêu cầu hủy  
quyết định cá biệt”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông V1 Ngọc Thông;

*Các Thẩm phán* Ông Nguyễn Cường;

Ông Trần Quốc Cường.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về chia thừa kế, yêu cầu hủy biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1193/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Cẩm N**, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: số 02, Đường T7, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:* Luật sư **Trần Tuấn L2** thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**2. Bị đơn:**

+ Ông **Lê H**, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: số 20, Đường Tr1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông **Lê T**, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: số 58, Đường B2, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Lê S**, sinh năm 1957. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số 176/19, Đường Đ1, phường Z1, quận Ph, TP. Hồ Chí Minh.

+ Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1945. Có mặt.

Địa chỉ: số 498 đường H5, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: số 137/32/20, đường L3, phường Z2, quận Ph, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1 là nguyên đơn bà **Lê Thị Cẩm N**. (Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 02/11/2015). Có mặt.

Địa chỉ: số 02, Đường T7, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông **Lê T2**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: số A1 004 Chung cư 189B đường C1, phường Ng1, quận Z3, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông T2 là nguyên đơn bà **Lê Thị Cẩm N**. (Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 02/11/2015). Có mặt.

Địa chỉ: số 02, Đường T7, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Lê Thị Bích H2**, sinh năm 1955. Địa chỉ: 489A/21/9 đường H8, phường Z4, quận Ph, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê S**. (Văn bản ủy quyền lập ngày 15/8/2018), Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số 176/19, Đường Đ1, phường Z1, quận Ph, TP. Hồ Chí Minh.

+ Bà **Lê Thị Túy Ng**, sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: số 48, đường V2, quận T8, TP. Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ng là nguyên đơn bà **Lê Thị Cẩm N**. (Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 02/11/2015). Có mặt.

Địa chỉ: số 02, Đường T7, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Lê Thị Phi L**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 63, Bà Triệu, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê S.** (Văn bản ủy quyền lập ngày 17/8/2018). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số 176/19, Đường Đ1, phường Z1, quận Ph, TP. Hồ Chí Minh.

+ Ông **Lê C**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số K4/206D, Khu phố 02, ấp TB, phường B3, thành phố B4, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của ông C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm N. (Văn bản ủy quyền lập ngày 24/7/2019). Có mặt.

+ Bà **Lê Thị Ngọc Y**, sinh năm 1953. Vắng mặt.

Địa chỉ: Frederiksberg c, Denmark

+ Bà **Lê Thị Bích T3**, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Copenhagen, Denmark.

+ Ông **Lê H3**, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Copenhagen, Denmark.

+ Bà **Châu Thị T4**, sinh năm 1935.

Địa chỉ: số 20, Đường Tr1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà T4 là bị đơn ông **Lê H** (Văn bản ủy quyền lập ngày 23/8/2018). Có mặt.

Địa chỉ: số 20, Đường Tr1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Ủy ban nhân dân **Thành phố H4**, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam

*Đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn D1**, chức vụ: Chủ tịch.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Thành Nh**, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố H4. Vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Văn Phòng đăng ký đất đai **Quảng Nam**.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông **Lưu Văn B**, chức vụ: Giám đốc

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trần Văn C1**, chức vụ: Phó Giám đốc. (Văn bản ủy quyền lập ngày 21/5/2018). Có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

+ **Phòng Công chứng số Z, tỉnh Quảng Nam** (Đã giải thể)

Địa chỉ: thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Phòng Công chứng số Z tỉnh Quảng Nam là **Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Võ Thị Thu Tr.** Vắng mặt.

Địa chỉ: số 20, Đường Tr1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Trương Thị Lệ T5.** Vắng mặt.

Địa chỉ: số 58, Đường B2, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam.

\* Người kháng cáo: Bị đơn – ông Lê H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm N, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị T1, ông Lê T2, bà Lê Thị Túy Ng trình bày:*

Cha bà là ông Lê V1 (chết năm 2006), mẹ là bà Hồ Thị L1 (chết năm 2007), bà nội là bà Nguyễn Thị B1 (chết từ rất lâu). Ông Lê V1, bà Hồ Thị L1, bà Nguyễn Thị B1 chết không để lại di chúc. Ngoài ra, quá trình chung sống ông Lê V1 có lấy thêm vợ hai là bà Châu Thị T4. Ông Lê V1, bà Hồ Thị L1 và Châu Thị T4 đều sống chung trong 1 nhà. Quá trình sống chung giữa ông Lê V1, bà Hồ Thị L1 và Châu Thị T4 có những người con gồm:

- Giữa ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 có 8 người con chung, cụ thể là: Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T1, ông Lê T2, bà Lê Thị Bích H2, ông Lê S, bà Lê Thị Túy Ng, bà Lê Thị Cẩm N, bà Lê Thị Ngọc Y.

- Giữa ông Lê V1 và bà Châu Thị T4 có 6 người con chung gồm: Ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T3, ông Lê H3.

Ngoài ra ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Đối với bà B1 có hai người con là ông Lê V1 là con riêng của chồng và một người con gái thường gọi là Cô Mười đã chết từ nhỏ, không có chồng con.

Quá trình sinh sống giữa Lê V1 và bà Hồ Thị L1 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 58, đường B2, phường M1, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê V1 và bà Nguyễn Thị B1 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 20 Đường Tr1, phường M1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005.

Ngày 14/6/2013, bà Lê Thị Cẩm N cùng 10 người anh, chị, em của bà gồm bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T1, ông Lê T2, bà Lê Thị Bích H2, ông Lê S, bà Lê Thị Túy Ng, ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T đã lập hai văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế của ông Lê V1, bà Hồ Thị L1 và bà Nguyễn Thị B1 được công chứng chứng thực và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thay đổi, xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho 11 người con nêu trên của ông Lê V1, bà Hồ Thị L1. Do bất đồng trong cách quản lý tài sản chung và chia tài sản chung, ông Lê H và ông Lê T là hai người đang quản lý sử dụng hai căn nhà trên không thống nhất về cách quản lý và chia tài sản nên bà Lê Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết các nội dung gồm:

Thứ nhất: Yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của ông Lê V1, bà Nguyễn Thị B1 và bà Hồ Thị L1 cho 14 người con và 1 mẹ kế là bà T4, cụ thể tài sản chia gồm: Di sản của ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 58 Đường B2, phường M1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005; Di sản của ông Lê V1 và di sản ông V1 được thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 20 Đường Tr1, phường M1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005.

Thứ hai: Yêu cầu Tòa án hủy hai văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế. Đồng thời yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể là: Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1195, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam. Theo đó yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005; Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1196, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam. Theo đó yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005.

Về cách chia thừa kế bà N yêu cầu chia thành 15 suất đều nhau cho 15 người hưởng thừa kế gồm 14 người con và 1 mẹ kế là bà Châu Thị T4. Tại phiên tòa hôm nay bà N yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Lê V1 gồm tài sản của ông V1 trong khối tài sản chung của ông V1 với bà L1 và tài sản của ông V1 và phần tài sản ông

V1 được thừa kế của bà B1 cho 14 người con và bà Châu Thị T4, còn phần tài sản của bà L1 thì chia cho 14 người con, không chia cho bà T4.

Về giá trị tài sản để chia thừa kế theo kết quả định giá ngày 31/7/2018 thì tổng giá trị các tài sản được định giá là 17.624.883.990 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn đề nghị giá chia thừa kế đối với nhà đất số 20 Đường Tr1, thành phố H4 là 8 tỷ đồng, đối với nhà đất số 58 Đường B2, phường M1, thành phố H4 là 17 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản đề nghị chia là 25 tỷ đồng. Tại phiên hòa giải các đồng thừa kế ưu tiên cho ông H và ông T mua, nhưng đến nay ông T, ông H không đồng ý mua nên nguyên đơn sẽ mua và thối trả giá trị cho các đồng thừa kế.

Về số tiền chi phí ông H, ông T đã bỏ ra sửa chữa nhà tại số 20, Đường Tr1 và nhà số 58 Đường B2, phường M1, thành phố H4 nguyên đơn đồng ý thối trả các chi phí ông H, ông T đã bỏ ra để sửa chữa hai căn nhà trên với một khoản chi phí hợp lý có chứng từ. Riêng đối với phần công sức quản lý, bảo quản hai ngôi nhà trên nguyên đơn và đại diện cho một số anh chị em không đồng ý vì hai căn nhà này nằm trên vị trí thuận lợi cho việc buôn bán tại Phố cổ Thành phố H4 tạo ra thu nhập lớn nên không tính công sức bảo quản, quản lý nhà cho ông H và ông T.

*Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê H, đồng thời là đại diện của bà Châu Thị T4 trình bày:*

Ông H thống nhất với trình bày của nguyên đơn về số di sản yêu cầu chia thừa kế, về số người được hưởng thừa kế. Cụ thể là: Cha ông là ông Lê V1 (chết năm 2006), mẹ cả (Vợ thứ nhất của cha ông) là bà Hồ Thị L1 (chết năm 2007), mẹ hai là bà Châu Thị T4 (Vợ thứ hai của cha ông và là mẹ ruột của ông), bà nội là bà Nguyễn Thị B1 (chết từ rất lâu). Ông Lê V1, bà Hồ Thị L1 và Châu Thị T4 đều sống chung trong 1 nhà, quá trình sống chung ông và các anh chị em đều xem bà Hồ Thị L1 là mẹ và có công nuôi dưỡng và chăm sóc lẫn nhau như mẹ con. Giữa ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 có 8 người con chung, cụ thể là: Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T1, ông Lê T2, bà Lê Thị Bích H2, ông Lê S, bà Lê Thị Túy Ng, bà Lê Thị Cẩm N, bà Lê Thị Ngọc Y. Giữa Ông Lê V1 và bà Châu Thị T4 có 6 người con chung gồm: Ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T3, ông Lê H3. Ngoài ra ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Lê V1, bà Hồ Thị L1, bà Nguyễn Thị B1 chết không để lại di chúc.

Đối với bà Nguyễn Thị B1 thì ông H biết bà Nguyễn Thị B1 chết năm 1960, bà B1 là mẹ kế của ông V1. Bà B1 có 1 người con gái thường gọi là Cô Mười tên là Lê Thị D1 sinh năm 1930, chết vào năm 1945, bà D1 không có chồng con. Về quan hệ giữa bà B1 và ông V1 thì ông biết được là xem như mẹ con, có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng lẫn nhau và khi còn sống cha ông thờ cúng bà B1 ở nơi riêng tại nhà số 20 Đường Tr1 chứ không thờ chung trong nhà thờ tộc Lê của gia đình ông. Việc ông biết

là nghe kể lại chứ khi đó ông chưa sinh ra.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê Vố và bà Hồ Thị L1 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 58, đường B2, phường M1, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê V1 và bà Nguyễn Thị B1 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 20 Đường Tr1, phường M1, Thành phố H4, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND Thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005.

Về cách chia di sản thừa kế, đồng ý là chia thừa kế thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỷ phần thừa kế gồm: 14 người con và 1 mẹ ruột của ông bà Châu Thị T4.

Về giá trị tài sản chia thừa kế ông H thống nhất với giá của Hội đồng định giá ngày 31/7/2018 với tổng giá trị các tài sản được định giá để chia thừa kế là 17.624.883.990 đồng, ông H không chấp nhận giá bà N đề nghị. Ông H và ông T chỉ thống nhất nhận đất và nhà số 20, Đường Tr1 và tại 58 Đường B2, thành phố H4 với tổng giá trị là 17.624.883.990 đồng và đồng ý thôi trả giá trị cho các đồng thừa kế. Còn về công sức quản lý, bảo quản đất và nhà tại số 20, Đường Tr1, và tại 58 Đường B2, phường M1, thành phố H4 ông H thống nhất như trình bày của bà N là không tính phần công sức quản lý, bảo quản cho ông H và ông T, về chi phí sửa chữa nhà đối với nhà số 20, Đường Tr1, thành phố H4 là ông H sửa chữa hầu như toàn bộ ngôi nhà với chi phí sửa chữa là 275.000.000 đồng. Đối với 58 Đường B2, phường M1, thành phố H4 do ông T đã sửa chữa với chi phí là 467 triệu đồng, ông H đề nghị là đối với nhà tại 20 Đường Tr1 các anh chị em để lại phần tài sản của bà B1 để ông thờ cúng bà B1, tài sản còn lại của ông V1 yêu cầu chia theo pháp luật.

*Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê T trình bày:*

Thống nhất với trình bày của bị đơn là ông Lê H về số di sản yêu cầu chia thừa kế, về số người được hưởng thừa kế, về cách chia di sản thừa kế là chia thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỷ phần thừa kế gồm: 14 người con và 1 mẹ ruột của ông T là bà Châu Thị T4. Và không tính công sức quản lý, bảo quản di sản cho ông nhưng phải tính chi phí sửa chữa nhà 58 Đường B2 cho ông là 467 triệu đồng và ông với ông H đồng ý nhận tài sản chia thừa kế bằng hiện vật theo giá của Hội đồng định giá ngày 31/7/2018 với tổng giá trị các tài sản được định giá để chia thừa kế là 17.624.883.990 đồng, ông và ông H chỉ thống nhất nhận đất và nhà số 20, Đường Tr1 và tại 58 Đường B2, thành phố H4 với tổng giá trị là 17. 624.883.990 đồng và đồng ý thôi trả giá trị cho các đồng thừa kế. Ông không chấp nhận giá 25 tỷ đồng mà bà N đề nghị.

*Quá trình tố tụng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:*

**- Ông Lê S, đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Bích H2, bà Lê Thị Loan trình bày:**

Ông thống nhất với trình bày của của nguyên đơn về số di sản sản yêu cầu chia thừa kế, về số người được hưởng thừa kế. Cụ thể là: Cha ông là ông Lê V1 (chết năm 2006), mẹ cả (Vợ thứ nhất của ba ông và là mẹ ruột của ông) là bà Hồ Thị L1 (chết năm 2007), mẹ hai là bà Châu Thị T4 (Vợ thứ hai của bà ông), bà nội là bà Nguyễn Thị B1 (chết từ rất lâu). Ông Lê V1, bà Hồ Thị L1 và Châu Thị T4 đều sống chung trong 1 nhà, quá trình sống chung ông và các anh chị em đều xem bà Châu Thị T4 là mẹ và có công nuôi dưỡng và chăm sóc lẫn nhau như mẹ con. Khi bà L1 và ông V1 già yếu cũng chính bà T4 là người chăm sóc và 14 người anh em của ông đều xem bà Hồ Thị L1 và bà Châu Thị T4 như mẹ ruột không có sự phân biệt và có sự chăm sóc nuôi dưỡng lẫn nhau.

Giữa ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 có 8 người con chung, cụ thể là: Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T1, ông Lê T2, bà Lê Thị Bích H2, ông Lê S, bà Lê Thị Túy Ng, bà Lê Thị Cẩm N, bà Lê Thị Ngọc Y. Giữa Ông Lê V1 và bà Châu Thị T4 có 6 người con chung gồm: Ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T3, ông Lê H3. Ngoài ra ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Lê V1, bà Hồ Thị L1, bà Nguyễn Thị B1 chết không để lại di chúc.

Đối với bà Nguyễn Thị B1 thì ông S biết bà B1 là mẹ kế của ông V1. Bà B1 có 1 người con gái thường gọi là Cô Mười, chết từ lúc nhỏ và không có chồng con. Ông V1 có 13 người anh chị em nhưng chỉ có ông V1 xem bà B1 như mẹ và ngược lại bà B1 cũng chỉ xem ông V1 như con. Giữa ông V1 và bà B1 có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng lẫn nhau ở cùng nhau trong 1 nhà, còn các anh chị em của ông V1 không công nhận bà B1 là mẹ nên khi còn sống cha ông thờ cúng bà B1 ở nơi riêng tại nhà 20 Đường Tr1 chứ không thờ chung trong nhà thờ tộc Lê của gia đình ông. Ông V1 có 13 người anh chị em nhưng ông V1 là người chết sau cùng và ông cũng không rõ địa chỉ của các anh chị em ông V1 hiện nay ở đâu.

Về cách chia di sản thừa kế ông đồng ý chia thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỹ phần thừa kế gồm: 14 người con và 1 mẹ ruột của ông H là bà Châu Thị T4. Ông bổ sung thêm là theo di nguyện bằng miệng của ba mẹ ông lúc còn sống đã giao lại tài sản này cho ông H và ông T quản lý để lo thờ cúng ông bà, cha mẹ. Nên ông không chấp nhận chia thừa kế. Về kết quả định giá ông không có ý kiến gì. Ông không chấp nhận chia thừa kế nên không có ý kiến gì về kết quả định giá và kê cả giá bà N đề nghị, về các đồng thừa kế, khi cha ông còn sống thì tài sản để lại cho 12 người không có các người con ở nước ngoài, trong đó có bà T3 nhưng sau này bà T3 đi nước ngoài nên khi lập văn bản thỏa thuận để chỉnh lý giấy chứng nhận đất không đưa bà T3 vào. Ông mong muốn anh em để lại hai ngôi nhà trên làm nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ, hiện nay 14 người con của ông Lê V1 không ai khó khăn về kinh tế, ai cũng có cuộc



sống thoải mái và anh chị em có nơi đi về để sum họp gia đình. Còn quy định pháp luật về chia thừa thì ông không có ý kiến gì.

**Bà Lê Thị H1 và đại diện theo ủy quyền của bà H1 là bà Đỗ Lê Kiều Oanh trình bày:**

Bà thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn về 2 ngôi nhà và đất, gồm ngôi nhà 20 Đường Tr1 thành phố H4 là tài sản của ông Lê V1 với bà Nguyễn Thị B1 và ngôi nhà số 58 Đường B2, thành phố H4 của ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 theo pháp luật, theo thỏa thuận của anh chị em là bán đi để chia. Bà H1 yêu cầu được nhận phần thừa kế của mình theo pháp luật, về cách chia di sản thừa kế bà H1 đồng ý chia thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỹ phần thừa kế gồm: 14 người con và 1 mẹ hai của bà là bà Châu Thị T4. Về giá trị tài sản bà thống nhất với đề nghị của bà Lê Thị Cẩm N là tổng giá trị 2 ngôi nhà và đất là 25 tỷ đồng nếu ông H và ông T không nhận thì giao cho bà N để bà N thôi trả cho các đồng thừa kế.

**Ông Lê Cương trình bày:** Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, thống nhất ông Lê V1 với bà Hồ Thị L1 và bà Châu Thị T4 có 14 người con, lúc nhỏ cùng sinh sống trong một nhà, ông yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của mình theo pháp luật, về cách chia thừa kế ông thống nhất với đề nghị tại phiên tòa hôm nay là yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Lê V1 gồm tài sản của ông V1 trong khối tài sản chung của ông V1 với bà L1 và tài sản của ông V1 và phần tài sản ông V1 được thừa kế của bà B1 cho 14 người con và mẹ ông là Châu Thị T4, còn phần tài sản của bà L1 thì chia cho 14 người con, không chia cho bà T4. Về giá trị tài sản ông thống nhất với đề nghị của bà Lê Thị Cẩm N là tổng giá trị 2 ngôi nhà và đất là 25 tỷ đồng nếu ông H và ông T không nhận thì giao cho bà N để bà N thôi trả cho các đồng thừa kế.

**Bà Lê Thị Ngọc Y trình bày tại đơn ngày 20/12/2017:** Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế di sản của cha mẹ và bà nội, thống nhất tài sản của ông Lê V1 với bà Nguyễn Thị B1 là ngôi nhà số 20 Đường Tr1, thành phố H4 và ông Lê V1 với bà Hồ Thị L1 có ngôi nhà 58 Đường B2, thành phố H4, Bà yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

**Bà Lê Thị Bích T3 trình bày tại đơn ngày 04/11/2018:** Bà yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế được chia là 2 ngôi nhà là ngôi nhà tại số 20 Đường Tr1 và ngôi nhà 58 Đường B2, thành phố H4 (Ý kiến trên của bà T3 được gửi đi từ Đan Mạch theo dấu bưu điện trên bì thư nhưng không được hợp pháp hóa lãnh sự).

**Ông Lê H3 trình bày tại văn bản gửi cho Tòa án ngày 03/6/2016:**

Ông không chấp nhận chia thừa kế 2 ngôi nhà là tài sản của cha mẹ và bà nội, ông yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho mẹ ông là bà Châu Thị T4 đang sống trong 2 ngôi nhà trên. Nếu chia tài sản thì phải xem xét đến quyền lợi của mẹ ông vì trong danh

sách đồng bị đơn không có tên mẹ ông. (Ý kiến trên của ông H3 được gửi đi từ Đơn Mạch theo dấu bưu điện trên bì thư nhưng không được hợp pháp hóa lãnh sự).

**Bà Võ Thị Thu Tr và bà Trương Thị Lệ T5** được Tòa triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng không đến tham gia và không có ý kiến trình bày.

**Ủy ban nhân dân thành phố H4 có văn bản trình bày tại Công văn số 2467/UBND ngày 20/7/2018 với nội dung như sau:**

Đối với phần chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005 được UBND căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế của những người thừa kế đã được công chứng, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H4 thực hiện nội dung điều chỉnh các giấy chứng nhận đất đã cấp là đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo quy định của pháp luật.

**Văn Phòng đăng ký đất đai Quảng Nam do ông Trần Văn Cư đại diện có văn bản trình bày tại Công văn số 216/VPĐK ngày 20/6/2018 với nội dung như sau:**

Đối với phần chỉnh lý biến động GCNQSDĐ số AC 232066 do UBND thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005 và GCNQSDĐ số AB 582448 do UBND thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005 được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H4 căn cứ vào GCNQSDĐ và văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế của những người thừa kế đã công chứng tại Văn phòng công chứng số 02 tỉnh Quảng Nam, Sau khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu chỉnh lý Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H4 thực hiện nội dung điều chỉnh các giấy chứng nhận đất đã cấp là đảm bảo quy định tại điều 129 Luật đất đai năm 2003, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 20 ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

**Phòng Công chứng số Z, tỉnh Quảng Nam:** Phòng Công chứng số Z là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam. Hiện nay, Phòng Công chứng số Z đã bị giải thể theo Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam là đơn vị quản lý Phòng công Chứng số Z là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Phòng Công chứng số Z. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam có văn bản trả lời số 1021/STP-BTTP ngày 11/10/2018 với nội dung: Theo đề án giải thể thì về nhân sự điều động 01 Công chứng viên (Trưởng phòng) về Phòng công chứng số 1, về tài sản thuộc Nhà nước được điều chuyển về Phòng công chứng số 1 để quản lý và bố trí sử dụng, về hồ sơ lưu trữ thì toàn bộ hồ sơ lưu trữ chuyển về Phòng công chứng số 1 tiếp nhận, quản lý và tiếp tục thực hiện công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch của Phòng công chứng số Z thực hiện khi có yêu cầu. Hiện nay, Phòng công chứng số Z là pháp nhân đã giải thể theo quy định tại điều 88, 89, 90, 92, 93 và 96 Bộ luật dân sự 2015 nên chấm dứt tồn tại. Đồng

thời theo quy định tại khoản 4 Điều 4; điểm g, khoản 2, Điều 17 Luật công chứng năm 2014 thì Công chứng viên có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng của mình. Phòng công chứng số 1 có văn bản trả lời số 32 CV/PCC ngày 27/11/2018 với nội dung: Đối với vụ án Phòng công chứng số 1 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế là đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do bận công tác nên Phòng công chứng số 1 xin được vắng mặt tham dự phiên tòa các cấp cho đến khi phiên tòa kết thúc (Bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật) đối với vụ án nêu trên.

**Tại Bản án dân sự thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 609, 618, 650, 651, 658 và 660 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N.

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1195, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số Z tỉnh Quảng Nam và hủy phần chỉnh lý biến động về chủ sở hữu được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do Ủy ban nhân dân thành phố H4 cấp ngày 28/7/2005.

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1196, quyền số 01 /TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số Z tỉnh Quảng Nam và hủy phần chỉnh lý biến động về chủ sở hữu được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do Ủy ban nhân dân thành phố H4 cấp ngày 11/8/2005.

2. Giao cho bà Lê Thị Cẩm N quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 12, diện tích đất thực tế 109,2m<sup>2</sup> (Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 120,9m<sup>2</sup>), địa chỉ số 58 Đường B2, phường M1, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam được ủy ban nhân dân thành phố H4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 cho ông Lê V1 và bà Hồ Thị L1 vào ngày 11/8/2005, giá trị nhà, đất là 17.000.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 12, địa chỉ 20 Đường Tr1, phường M1, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam

được Ủy ban nhân dân thành phố H4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 cho ông Lê V1 và bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 28/7/2005, giá trị nhà, đất là 8.000.000.000 đồng.

3. Bà Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ thanh toán tiền chi phí sửa chữa nhà số 58 Đường B2, phường M1, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê T là 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, chín trăm ngàn đồng) và thanh toán tiền chi phí sửa chữa nhà số 20 Đường Tr1, phường M1, thành phố H4 cho ông Lê H là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

4. Bà Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T1, ông Lê T2, bà Lê Thị Bích H2, ông Lê S, bà Lê Thị Túy Ng, bà Lê Thị Ngọc Y, ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T3, ông Lê H3 mỗi người là 1.680.461.670 đồng (Một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng) và thanh toán cho bà Châu Thị T4 số tiền là 1.077.636.670 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Đối với kỹ phần thừa kế được nhận của ông Lê H3 và Lê Thị Bích T3 hiện đang ở nước ngoài nên giao cho bà Lê Thị Cẩm N có trách nhiệm quản lý cho đến khi ông H3 và T3 có yêu cầu nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; về chi phí thẩm định, định giá và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, bị đơn – ông Lê H và ông Lê T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:**

Bị đơn ông Lê H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của ông Lê H:* Gia đình tôi có một người em tên là Lê Thị T6, sinh năm 1965 là con riêng của bố chúng tôi là Lê V1; chúng tôi đã cung cấp chứng cứ cho Toà án cấp phúc thẩm các tấm hình chụp khắc tên các người con trên tấm bia mộ của bố trong đó có tên Lê Thị T6 nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa em tôi vào tham gia tố tụng để chia di sản thừa kế là có thiếu sót. Đồng thời, Toà án cấp sơ thẩm định giá hai ngôi nhà giá quá cao so với thực tế. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

*Ý kiến của ông Lê T:* Thống nhất như ý kiến của ông H.

*Ý kiến của Luật sư Trần Tuấn Lợi:* Về kháng cáo của bị đơn ông Lê H cho rằng bà Lê Thị T6 là con riêng của ông Lê V1; tuy nhiên, suốt trong quá trình tố tụng ở Toà án cấp sơ thẩm ông H và những người tham gia tố tụng khác không ai có lời

khai hay ý kiến gì, việc này chỉ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm nhưng cũng chưa đầy đủ chứng cứ để xác định bà T6 là con của ông Lê V1; nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này. Về giá theo định giá của Toà án cấp sơ thẩm là phù hợp với thực tế nên kháng cáo của ông H không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

*Ý kiến của bà Lê Thị Cẩm N:* Thống nhất như ý kiến của Luật sư Trần Tuấn Lợi.

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm phát sinh tình tiết mới do bị đơn kháng cáo cho rằng bố của ông có người con riêng tên là Lê Thị T6, thể hiện có tên trong bia mộ của ông Lê V1 cùng với các anh chị em của; đồng thời, bà Lê Thị T6 cũng có Đơn khiếu nại trình bày là con riêng của ông Lê V1, đề nghị Toà án giải quyết bảo đảm quyền lợi cho bà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt; tuy nhiên, đây là phiên tòa lần thứ 2 đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các đương sự trên.

[2] Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Lê T cùng có tên trong đơn kháng cáo với ông Lê H và đã thông báo cho ông T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T không ký tên vào đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cũng do ông H nộp thay. Do đó, xác định ông T không có kháng cáo; số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được giải quyết theo qui định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng đã xác nhận.

[3] Theo kháng cáo của ông Lê H cho rằng ông Lê V1 còn có một người con riêng là bà Lê Thị T6, sinh ngày 01/01/1965, hiện đang thường trú tại đường Lê Trọng Tấn, phường Thanh Hà, thành phố H4, tỉnh Quảng Nam nhưng không được Toà án cấp sơ thẩm chia thừa kế; đồng thời, bà T6 cũng có Đơn khiếu nại gửi đến

Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vào ngày 13/6/2019 đề nghị Toà án xác minh làm rõ để bảo vệ quyền lợi cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm phát sinh tình tiết mới do bị đơn kháng cáo cho rằng bố của ông có người con riêng tên là Lê Thị T6, thể hiện có tên trong bia mộ (có hình chụp bia mộ kèm theo) của ông Lê V1 cùng với các anh chị em của ông; đồng thời, bà Lê Thị T6 cũng có Đơn khiếu nại trình bày là con riêng của ông Lê V1 và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bảo đảm quyền lợi cho bà. Tuy nhiên, tại phiên toà bà Lê Thị Cẩm N cho rằng bà T6 không phải là con riêng của ông Lê V1. Do đó, chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định bà T6 có phải là con riêng của ông V1 hay không; đồng thời, nếu xác minh làm rõ bà T6 là con riêng của ông V1 thì phải đưa bà T6 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để chia kỹ phần thừa kế cho bà T6.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; do đó, cần phải huỷ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về chi phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 3.840.000 đồng và chi phí thẩm định, định giá số tiền là 3.700.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại khi xét xử sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê T 300.000 đồng về khoản tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê H, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Lê H và ông Lê T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại theo Biên lai thu tiền số 0000224 ngày 17/12/2018 và số 0000225 ngày 17/12/2018 của Cục Thi hành án tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Ngọc Thông**